

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2019/HS-ST
Ngày 31-5-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Chinh;

Ông Đỗ Việt Hùng.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Kim Dung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thành Long - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 32/2019/TLST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2019/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo:

Bùi Thị H, sinh năm 1984 tại xã HX; nơi cư trú: Xóm Tân Thịnh, xã HT, huyện HH, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa lớp 8/12; giới tính: Nữ; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn V, sinh năm 1946 (đã chết) và bà Đinh Thị H, sinh năm 1948; chồng là Nguyễn Văn T, sinh năm 1988 và 04 con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh ngày 10/5/2019; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú”. “có mặt”

- Bị hại:

Chị Đỗ Thị Th, sinh năm 1993; địa chỉ: Xóm Đức Thuận, xã HX, huyện HH, tỉnh Nam Định. “có mặt”

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1987; địa chỉ: Xóm Đức Thuận, xã HX, huyện HH, tỉnh Nam Định. “vắng mặt”

Người đại diện theo ủy quyền cho anh Hiện là chị Đỗ Thị Th, sinh năm 1993; địa chỉ: Xóm Đức Thuận, xã HX, huyện HH, tỉnh Nam Định.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1985; địa chỉ: Xóm Trung, xã HX, huyện HH, tỉnh Nam Định. “vắng mặt”

2. Ông Nguyễn Quốc M, sinh năm 1960; địa chỉ: Xóm Xuân Phương Tây, xã HX, huyện HH, tỉnh Nam Định. “vắng mặt”

3. Anh Vũ Viết C, sinh năm 1969; địa chỉ: Xóm Xuân Phương Tây, xã HX, huyện HH, tỉnh Nam Định. “vắng mặt”

4. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1988; địa chỉ: Xóm Tân Thịnh, xã HT, huyện HH, tỉnh Nam Định. “vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2016, Bùi Thị H và chồng là anh Nguyễn Văn T mua thửa đất số 156, tờ bản đồ số 26, diện tích 225m² tại xóm Xuân Phương Tây, xã HX với giá 300.000.000 đồng và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tháng 01 năm 2017 cả hai đã thế chấp thửa đất trên tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) chi nhánh Gia Lâm, thành phố Hà Nội để vay số tiền 1.000.000.000 đồng. Khoảng cuối năm 2017, chị Đỗ Thị Th đã gặp Bùi Thị H để hỏi mua thửa đất trên thì H đồng ý bán với giá 370.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận H sẽ làm thủ tục chuyển nhượng, khi nào có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chị Th sẽ giao tiền nên chị Th đã đưa thẻ căn cước công dân của mình và chồng là anh Nguyễn Văn Hiện cùng các giấy tờ cá nhân khác cho H. Trong quá trình giao dịch H không nói cho chị Th biết là đã thế chấp thửa đất trên tại ngân hàng. H đã dùng chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung để liên lạc nhờ 01 người đàn ông không quen biết làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng với thửa đất trên với giá 20.000.000 đồng. Ngày 28/12/2017, H nhận được và đã đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị Th lấy 100.000.000 đồng, số tiền còn thiếu hẹn sẽ thanh toán sau. Ngày 29/12/2017, H gọi chị Th mang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả đến gặp mình, sau đó H lấy bút viết hai số “28” và “12” vào mục ngày, tháng cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tháng 11 năm 2018 chị H đi làm thủ tục liên quan tới

thửa đất trên thì phát hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên là giả nên đã giao nộp cho UBND xã HX.

Tại bản kết luận giám định số 1094/KLGD-PC09 ngày 18/12/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định kết luận: Mẫu dấu và chữ ký trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là giả, số “28” và “12” so với chữ viết của Bùi Thị H là do cùng một người viết ra.

Cáo trạng số 32/CT-VKS-HH ngày 08/5/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu đã truy tố bị cáo Bùi Thị H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999.

* Tại phiên tòa:

Bị cáo thành khẩn khai nhận đã thực hiện hành vi như nội dung vụ án đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật áp dụng như bản cáo trạng số 32/CT-VKS-HH ngày 08/5/2019, cụ thể: Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b, n, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Bùi Thị H; xử phạt bị cáo Bùi Thị H từ 24 đến 30 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 đến 60 tháng; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Phản tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên, bị cáo, bị hại không có ý kiến tranh luận.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo khai nhận đã thực hiện hành vi đúng như nội dung vụ án đã nêu; bị cáo ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hải Hậu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo

không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những chứng cứ xác định có tội: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa công khai bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có cơ sở kết luận:

Do có ý thức chiếm đoạt tài sản của chị Đỗ Thị Th từ trước nên vào tháng 12 năm 2017, Bùi Thị H đã làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 156, tờ bản đồ số 26, diện tích 225m² tại xóm Xuân Phương Tây, xã HX, sau đó bán thửa đất trên cho chị Đỗ Thị Th lấy số tiền 100.000.000 đồng ăn tiêu hết.

Hành vi của Bùi Thị H thực hiện trước khi Bộ luật Hình sự năm 2015 có hiệu lực. Bị cáo bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng; bản thân bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự đã phạm vào tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm đối với hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi bằng thủ đoạn gian dối gây lòng tin mục đích để người có tài sản giao cho mình rồi nhằm chiếm đoạt tài sản của họ là hành vi nguy hiểm cho xã hội. Hành vi của H đã xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của chị Th được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an, gây tâm lý bất bình trong quần chúng nhân dân. H phạm tội có dụng mưu ngay từ đầu, tội phạm đã được hoàn thành, hậu quả chiếm đoạt tài sản đã xảy ra, do đó, cần xử lý nghiêm, nhằm trừng trị, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt, trong vụ án này bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo tự nguyện bồi thường số tiền đã chiếm đoạt cho bị hại và chị Th xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, chồng đi làm ăn xa, hiện đang phải nuôi 04 con nhỏ, thời điểm phạm tội bị cáo đang mang thai nhưng đến nay đã sinh con vào ngày 10/5/2019 nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[5] Xét tính chất hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo Hội đồng xét xử thấy không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách cũng đủ giáo dục bị cáo và phòng ngừa

chung, vừa phù hợp với quy định của pháp luật và thể hiện chính sách khoan H nhân đạo của Đảng, Nhà nước ta.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, thu nhập không ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi nhận lại tài sản, bị hại là chị Đỗ Thị Th\ không có đề nghị gì khác về phần dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Đối với anh Nguyễn Văn T không biết vợ là Bùi Thị H làm giả giấy tờ để chiếm đoạt tài sản của chị Đỗ Thị Th nên không đặt vấn đề xử lý đối với anh Trình là phù hợp.

[9] Đối với người đàn ông làm giả giấy tờ cho Bùi Thị H, quá trình điều tra không xác định được địa chỉ, tên tuổi nên không có căn cứ xử lý.

[10] Về xử lý vật chứng: Bị cáo sử dụng chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung có số thuê bao 0912.937.266 vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước chiếc điện thoại trên; tịch thu, tiêu hủy số thuê bao 0912.937.266 là phù hợp.

[11] Về án phí: Buộc bị cáo Bùi Thị H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015:

Tuyên bố bị cáo Bùi Thị H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, xử phạt bị cáo Bùi Thị H 30 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 60 tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Bùi Thị H cho Ủy ban nhân dân xã HT, huyện HH, tỉnh Nam Định giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 2 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ Luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu, sung quỹ Nhà nước chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung.

- Tịch thu, tiêu hủy số thẻ sim 0912937266.

(Các vật chứng nêu trên được mô tả trong Biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/5/2019 giữa Công an huyện Hải Hậu và Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hậu).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Bùi Thị H phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được ủy quyền được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo: 01 bản;
- TAND tỉnh: 01 bản;
- VKSND tỉnh + huyện: 02 bản;
- Chi cục THADS huyện: 01 bản;
- Công an huyện: 02 bản;
- UBND xã HT: 01 bản ;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01 bản.
- Lưu văn phòng: 01 bản.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hằng